

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/DSST

Ngày: 24/01/2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Sáu.

2/ Ông Y Míp Niê.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 24/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/2021/TLST-DS ngày 08/11/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2021/QĐXXST-DS ngày 31/12/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-DS ngày 17/01/2022 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Tháp BIDV 35 Hàng V, Quận H, TP H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Hà H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh B. (Nay là chi nhánh B).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Cao T, chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Kr. (Có mặt).

Địa chỉ: Số 105 Nguyễn Tất T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ.

Bị đơn: Phạm Đức T, sinh năm 1962 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1964. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Phạm Thị H, sinh năm 1986.

2/ Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1988.

3/ Phạm Đức Tr, sinh năm 1993.

4/ Phạm Thị X, sinh năm 1996.

5/ Phạm Thị H, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/2714922/HĐTD ngày 12/6/2020 thì ông Phạm Đức T (được sự ủy quyền của vợ là bà Đỗ Thị H) đã ký kết với ngân hàng T, phòng giao dịch K (nay là chi nhánh B) để vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/6/2021, lãi suất vay là 11,9%/năm, mục đích vay: Tiêu dùng gia đình, mua nội thất.

Để đảm bảo khoản vay vợ chồng ông T (được sự ủy quyền của các con là Phạm Thị H, Phạm Thị Thanh T, Phạm Đức Tr, Phạm Thị X, Phạm Thị H) đã ký hợp đồng thế chấp số 01/2020/2714922/HĐBĐ ngày 12/6/2020 với ngân hàng để đảm bảo khoản vay. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 7.170 m² tại thửa đất số 03; tờ bản đồ số 9, địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 069036 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 03/6/2002 cho hộ ông Phạm Đức T.

Quá trình vay vốn tại Ngân hàng, ông T, bà H không thực hiện theo đúng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, không trả nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng như thỏa thuận cho ngân hàng. Mặc dù ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần và cũng đã thương lượng để ông T, bà H giao tài sản xử lý thu hồi nợ nhưng hai bên không thống nhất. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi cho ngân hàng cho đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận của hợp đồng.

Sau khi vợ chồng ông T trả xong nợ gốc và lãi thì ngân hàng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ngân hàng. Nếu vi phạm thời hạn trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo quy định.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bị đơn ông Phạm Đức T và bà Đỗ Thị H tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà H trình bày:

Công nhận theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/2714922/HĐTD ngày 12/6/2020 thì vợ chồng ông có vay số tiền 300.000.000 đồng và thế chấp tài sản đúng như đại diện nguyên đơn trình bày.

Quá trình vay vốn tại Ngân hàng, do cây tiêu chết, dịch bệnh kéo dài, vợ chồng ông, bà không có nguồn thu nên không trả nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng như thỏa thuận cho ngân hàng đúng hạn. Mặc dù ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần và cũng đã thương lượng để ông, bà giao tài sản xử lý thu hồi nợ nhưng hai bên không thống nhất. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông, bà phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi cho ngân hàng cho đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận của hợp đồng thì ông, bà đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ngân hàng.

Sau khi trả xong nợ gốc và lãi thì đề ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ngân hàng. Nếu vi phạm thời hạn trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị H, Phạm Thị Thanh T, Phạm Đức Tr, Phạm Thị X, Phạm Thị H vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị Thanh T, anh Phạm Đức Tr, chị Phạm Thị X, chị Phạm Thị H đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 12/6/2020 ông Phạm Đức T (được sự ủy quyền của vợ là bà Đỗ Thị H) đã ký kết với ngân hàng T, phòng giao dịch K (nay là chi nhánh B) để vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/6/2021, lãi suất vay là 11,9%/năm, mục đích vay: Tiêu dùng gia đình, mua nội thất.

Để đảm bảo nghĩa vụ chồng ông T (được sự ủy quyền của các con là Phạm Thị H, Phạm Thị Thanh T, Phạm Đức Tr, Phạm Thị X, Phạm Thị H) đã ký hợp đồng thế chấp số 01/2020/2714922/HĐBĐ ngày 12/6/2020 với ngân hàng để đảm bảo khoản vay. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 7.170 m² tại thửa đất số 03; tờ bản đồ số 9, địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 069036 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 03/6/2002 cho hộ ông Phạm Đức T.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông T, bà H không trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo như thỏa thuận trong là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T, bà H phải trả cho ngân hàng T số tiền gốc đã vay chưa trả là 300.000.000 đồng, cùng với lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày vay cho đến ngày xét xử (ngày 24/01/2022) là: 22.265.972 đồng. Tổng gốc và lãi là: 322.265.972 đồng.

Đồng thời buộc ông T, bà H phải chịu lãi suất tiếp theo đối với số nợ gốc theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng kể từ ngày 25/01/2022 cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc cho Ngân hàng.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông T, bà H đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất diện tích 7.170 m² tại thửa đất số 03; tờ bản đồ số 9, địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 069036 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 03/6/2002 cho hộ ông Phạm Đức T.

Trong trường hợp ông T, bà H không trả được số nợ gốc và lãi suất phát sinh thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản tài sản thế chấp của ông T, bà H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị H, Phạm Thị Thanh T, Phạm Đức Tr, Phạm Thị X, Phạm Thị H. Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định cho chị Phạm Thị H, Phạm Thị Thanh T, Phạm Đức Tr, Phạm Thị X, Phạm Thị H nhưng đều vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét đến quyền và lợi ích hợp pháp của Phạm Thị H, Phạm Thị Thanh T, Phạm Đức Tr, Phạm Thị X, Phạm Thị H

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng T được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 184; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc ông Phạm Đức T và bà Đỗ Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng T tổng số tiền: 322.265.972 đồng (Ba trăm hai mươi hai triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó:

Tiền nợ gốc: 300.000.000 đồng và lãi suất đến ngày 24/01/2022 là: 22.265.972 đồng.

Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/2714922/HĐTD ngày 12/6/2020 kể từ ngày 25/01/2022 cho đến khi ông Phạm Đức T và bà Đỗ Thị H trả xong nợ.

Sau khi ông Phạm Đức T và bà Đỗ Thị H trả xong nợ thì Ngân hàng T phải trả cho ông Phạm Đức T và bà Đỗ Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 069036 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 03/6/2002 cho hộ ông Phạm Đức T.

[2] Trong trường hợp ông Phạm Đức T và bà Đỗ Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông Phạm Đức T và bà Đỗ Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/2714922/HĐBĐ ngày 12/6/2020 để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Ông Phạm Đức T và bà Đỗ Thị H phải nộp 16.113.298 án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 8.055.466 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 60AA/2021/0003123 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Trang